

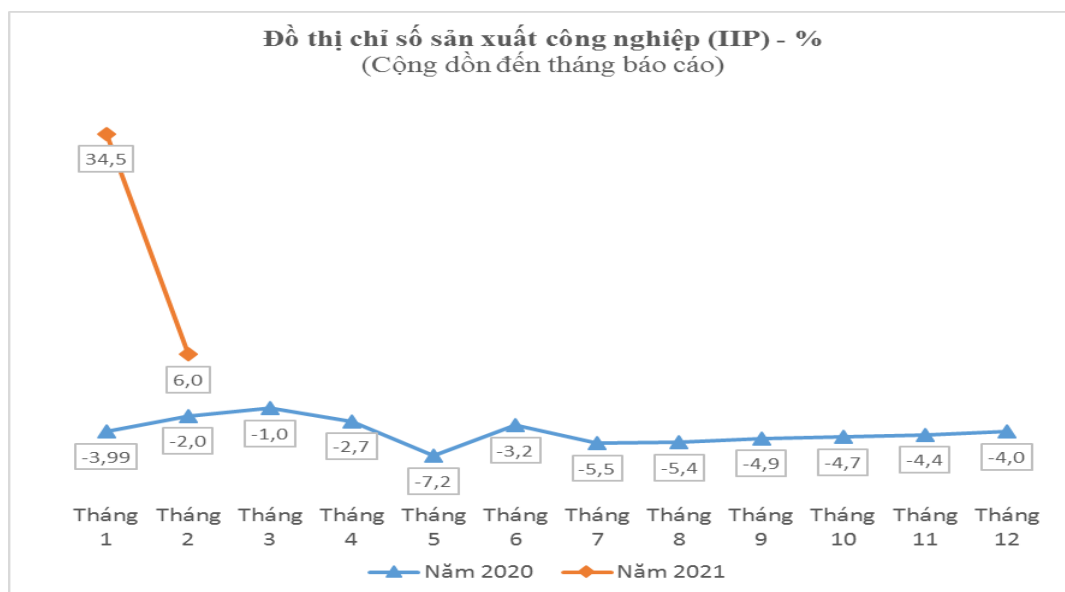
TÌNH HÌNH KINH TẾ XÃ HỘI Tháng 02 và 02 tháng năm 2021

PHẦN A – KINH TẾ

I. CÔNG NGHIỆP

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng 2 năm 2021 ước tính giảm 24,6% so với tháng 1 năm 2021 do Việt Nam vẫn phải đối phó làn sóng lây nhiễm dịch Covid-19 lần thứ 3, cộng thêm một số quốc gia là đối tác quan trọng của nước ta đang phải vật lộn với đại dịch Covid-19 khiến cho nguồn nguyên vật liệu nhập khẩu phục vụ cho sản xuất bị thiếu hụt và thị trường tiêu thụ hàng hóa trong nước và quốc tế gặp nhiều khó khăn. Trong đó, ngành công nghiệp khai khoáng giảm 3,9%; công nghiệp chế biến, chế tạo giảm 25,0%; sản xuất và phân phối điện giảm 18,4%; cung cấp nước và xử lý rác thải giảm 10,4%.

Tính chung 2 tháng năm 2021, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp trên địa bàn Thành phố tăng 6,0% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 7,3%; sản xuất và phân phối điện giảm 1,5%; cung cấp nước và xử lý rác thải giảm 1,3%.



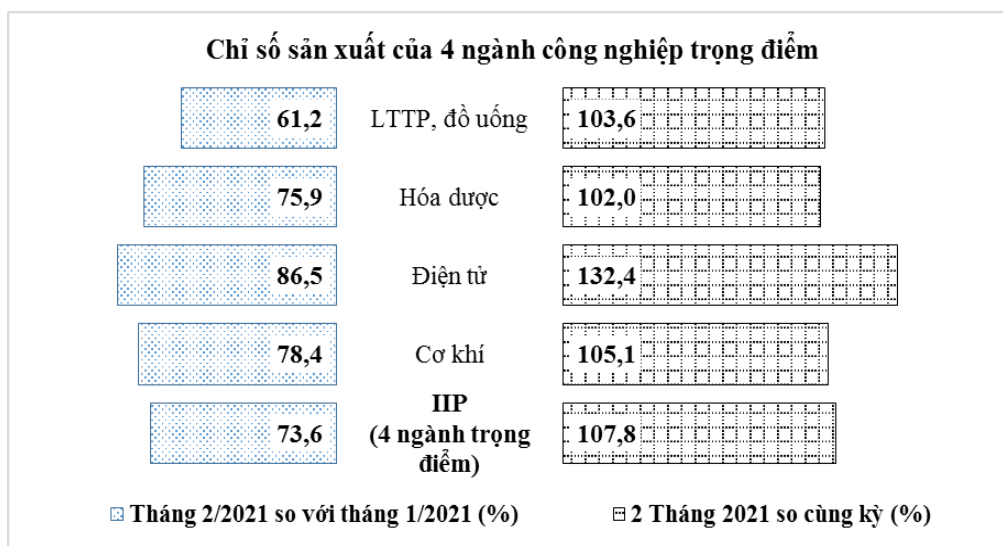
Đối với ngành công nghiệp cấp II có 18/30 ngành cấp II có chỉ số đều tăng so với cùng kỳ năm trước, trong đó các ngành có mức tăng cao như: Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế) tăng 48,9%; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học tăng 32,4%; sản xuất máy móc thiết bị chưa được phân vào đâu tăng 30,2%; sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế tăng 30,0%. Một số ngành có chỉ số sản xuất giảm mạnh so với cùng kỳ như: Sản xuất phương tiện vận tải khác giảm 20,1%; sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu giảm 17,5%; thoát nước và xử lý nước thải giảm 17,2%; sản xuất trang phục giảm 14,8%; sản xuất xe có động cơ giảm 10,5%; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy giảm 10,1%.

Một số ngành công nghiệp chủ yếu có chỉ số sản xuất cộng lũy kế 2 tháng năm 2021 tăng cao hơn so với cùng kỳ như: Sản xuất sản phẩm điện tử tăng 32,4%; sản xuất thiết bị điện tăng 28,0%; sản phẩm từ khoáng kim loại tăng 22,4%; sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất tăng 10,8%; sản xuất chế biến thực phẩm tăng 9,8%.

Chỉ số sản xuất công nghiệp một số ngành chủ yếu

	Tháng 2/2021 so với tháng 1/2021	2 Tháng so với cùng kỳ
Tổng số	75,4	106,0
<i>Chia theo ngành cấp 1</i>		
1. Công nghiệp khai khoáng	96,1	18,1
2. Công nghiệp chế biến chế tạo	75,0	107,3
3. SX và phân phối điện	81,6	98,5
4. SX và phân phối nước, xử lý chất thải	89,6	98,7
<i>Một số ngành chủ yếu</i>		
1. Sản xuất chế biến thực phẩm	67,8	109,8
2. Sản xuất đồ uống	49,8	92,9
3. Sản xuất trang phục	73,4	85,2
4. Sản xuất da và SP liên quan	86,5	91,8
5. SX hóa chất và SP hóa chất	70,7	110,8
6. Sản phẩm từ cao su và plastic	73,7	101,0
7. SP. từ khoáng kim loại	59,0	122,4
8. Sản xuất SP điện tử	86,5	132,4
9. Sản xuất thiết bị điện	82,9	128,0
10. Sản xuất xe có động cơ	72,1	89,5

Đối với 4 ngành công nghiệp trọng điểm, chỉ số sản xuất công nghiệp 2 tháng năm 2021 tăng 7,8% so với cùng kỳ năm trước, tăng hơn 1,7 điểm phần trăm so với chỉ số sản xuất chung của ngành công nghiệp. Trong đó, ngành sản xuất hàng điện tử tăng 32,4%; ngành cơ khí tăng 5,1%; ngành lương thực, thực phẩm và đồ uống tăng 3,6%; ngành hóa dược tăng 2,0%.



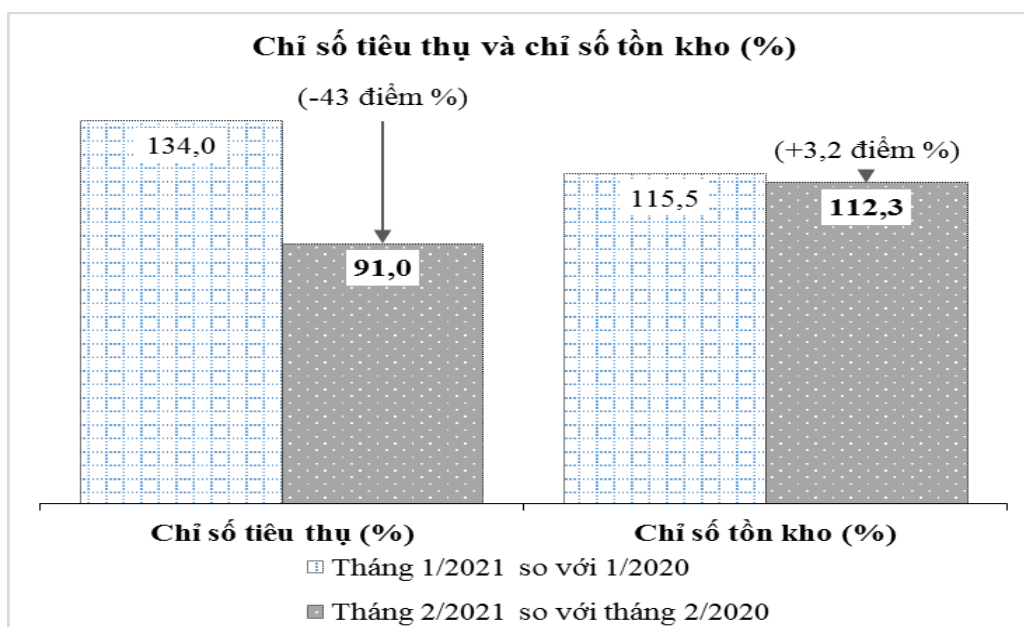
Đối với ngành công nghiệp truyền thống, chỉ số sản xuất công nghiệp 2 tháng năm 2021 giảm 9,8% so với cùng kỳ năm trước, trong đó ngành dệt tăng 1,6%; ngành sản xuất da và các sản phẩm có liên quan giảm 8,2%; sản xuất trang phục giảm 14,8%.

Chỉ số sản xuất công nghiệp ngành truyền thống

	Đơn vị tính: %	
	Tháng 2/2021 so với tháng 1/2021	2 Tháng 2021 so với cùng kỳ
II. Nhóm ngành truyền thống	78,8	90,2
1. Dệt	76,1	101,6
2. Sản xuất trang phục	73,4	85,2
3. Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan	86,5	91,8

Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng 2 năm 2021 ước tính giảm 25,4% so với tháng 1 năm 2021 và giảm 9,0% so cùng kỳ năm trước. Lũy kế 2 tháng, chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp tăng 11,5% so với cùng kỳ năm 2020, trong đó một số ngành có chỉ số tiêu thụ tăng cao như: Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học tăng 42,6%; sản xuất kim loại tăng 40,9%; sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế tăng 37,1%; sản xuất sản phẩm từ khoáng kim loại khác tăng 27,2%; chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm

gỗ, tre, nứa (trừ giường tủ, bàn, ghế) tăng 27,0%; in sao chép bản ghi các loại tăng 20,3%. Một số ngành có mức tiêu thụ giảm mạnh so cùng kỳ: Công nghệ chế biến chế tạo khác giảm 30,2%; sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu giảm 17,7%; sản xuất đồ uống giảm 9,8%; sản xuất trang phục giảm 9,2%; sản xuất phương tiện vận tải khác giảm 8,4%; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy giảm 7,8%.



Chỉ số tồn kho ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong tháng 2 năm 2021 ước tính tăng 12,3% so cùng thời điểm năm trước, trong đó một số ngành có chỉ số tồn kho cao hơn mức tăng chung của toàn ngành công nghiệp như sản xuất da và các sản phẩm có liên quan tăng 155,4%; sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất tăng 60,8%; sản xuất thiết bị điện tăng 45,2%; chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường tủ, bàn, ghế) tăng 28,8%; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 23,8%; sản xuất giường tủ bàn ghế tăng 23,5%. Tuy nhiên, một số ngành có chỉ số tồn kho giảm so với cùng kỳ năm trước như in, sao chép bản ghi các loại giảm 61,0%; sản xuất xe có động cơ giảm 31,0%; sản xuất phương tiện vận tải khác giảm 24,7%; sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế giảm 17,8% và sản xuất sản phẩm từ khoáng kim loại khác giảm 12,5%.

Nhờ sự chỉ đạo quyết liệt của Chính phủ và Chính quyền Thành phố về phòng chống Covid-19 nên TP. HCM từng bước khôi phục hoạt động kinh tế khiến cho sản xuất công nghiệp trên địa bàn Thành phố 2 tháng gần đây đã có nhiều

chuyển biến tích cực, chỉ số sản xuất đã dần phục hồi và phát triển. Thành phố vẫn tiếp tục nghiên cứu những chính sách mới, mang tính đột phá, đặc biệt việc tận dụng các cơ hội từ Hiệp định EVFTA và EVIPA mới được thông qua. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp cần tiếp tục theo dõi tình hình dịch bệnh, chủ động tìm kiếm thị trường xuất, nhập khẩu; trong đó tập trung vào các mặt hàng xuất khẩu chủ lực có kim ngạch lớn.

II. NÔNG, LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN

1. Trồng trọt

Tiến độ gieo trồng cây nông nghiệp đến ngày 15 tháng 02 năm 2021:

Vụ Đông Xuân: Diện tích gieo trồng lúa Đông Xuân năm 2020-2021 ước đạt 4.803 ha, giảm 1,5% (tương đương 73 ha) so cùng kỳ năm trước. Diện tích lúa vụ Đông Xuân 2020 - 2021 đã xuống giống 4.821 ha, tập trung chủ yếu tại huyện Củ Chi 3.847 ha, Hóc Môn 964 ha và quận Bình Tân 10 ha.

Diện tích gieo trồng các loại cây khác nhìn chung đều tương đương hoặc tăng so với cùng kỳ. Diện tích rau 2.343,9 ha, tăng 1,3% (+28,9 ha) so cùng kỳ; hoa cây cảnh 320,2 ha, tăng 2,1% so cùng kỳ.

Tình hình sinh vật gây hại: Tổng diện tích nhiễm sinh vật hại trên lúa là 1.545 ha, tăng 35,8% so với cùng kỳ; các sinh vật hại trên lúa hiện nay chủ yếu như rầy nâu, sâu cuốn lá, bọ xít hôi, bọ trĩ, sâu phao, OBV, chuột, bệnh đạo ôn, bệnh đốm vằn. Tổng diện tích nhiễm sinh vật hại trên rau là 699,1 ha, giảm 25,6% so với cùng kỳ. Diện tích phòng trừ trong tháng là 2.002,2 lượt ha. Các sinh vật hại đều có mật số và tỉ lệ bệnh ở mức nhẹ.

2. Chăn nuôi

Vào đầu tháng 2, Thành phố tiếp tục ghi nhận sự duy trì ổn định về tình hình chăn nuôi trên địa bàn do kiểm soát dịch bệnh tốt và chuẩn bị sản lượng thịt cung cấp cho thị trường dịp Tết Nguyên Đán.

Đàn trâu ước tính có 4.485 con, xấp xỉ so cùng kỳ. Đàn bò ước tính 133.500 con, tăng 0,4% so cùng kỳ, trong đó đàn bò sữa có 81.955 con (chiếm 61,4% tổng đàn bò).

Đàn lợn thịt có sự ổn định do tâm lý người nuôi kỳ vọng sức mua tăng, sản lượng thịt cung cấp dịp Tết ước đạt 165.900 con, tăng 3,4% so cùng kỳ.

Đàn gia cầm ước đạt 417 nghìn con, xấp xỉ so với cùng kỳ; trong đó 86,3% là đàn gà với 360 nghìn con. Đàn gà có mức tăng ổn định đủ cung cấp sản lượng thịt hơi cần thiết cho nhu cầu thị trường dịp sau tết.

Trong tháng 02, Chi cục Thú y Thành phố đã tăng cường công tác phòng chống dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm; tăng cường công tác giám sát vận chuyển, giết mổ kinh doanh động vật, sản phẩm động vật và đã tiến hành lấy mẫu giám sát an toàn thực phẩm đối với các sản phẩm động vật.

3. Lâm nghiệp

Tổng diện tích rừng, đất lâm nghiệp trên địa bàn Thành phố hiện nay là 37.012 ha, trong đó diện tích đất có rừng là 36.707 ha. Tỷ lệ che phủ rừng đạt 17,52%.

4. Thủy sản

Tháng 02 năm nay đúng vào dịp Tết Nguyên Đán, ngư dân không ra khơi nên sản lượng thủy sản khai thác giảm so với năm trước nhưng sản lượng thủy sản nuôi trồng vẫn tăng do người dân nuôi trồng tranh thủ thu hoạch bán trong dịp tết.

Lũy kế 02 tháng năm 2021, sản lượng thủy sản ước thực hiện 8.616 tấn, đạt 100% so cùng kỳ năm trước. Trong đó, sản lượng cá ước đạt 3.184 tấn, giảm 2,2% so cùng kỳ năm trước; sản lượng tôm ước đạt 1.972 tấn, tăng 2,7% so cùng kỳ năm trước; sản lượng thủy sản khác ước đạt 3.460 tấn, tăng 0,5% so cùng kỳ năm trước.

Sản lượng thủy sản khai thác 02 tháng đầu năm ước thực hiện 2.585 tấn, giảm 6,5% so cùng kỳ năm trước. Trong đó, sản lượng khai thác thủy sản biển ước đạt 2.111 tấn, giảm 6,1% so cùng kỳ năm trước; sản lượng khai thác thủy sản nội địa ước đạt 474 tấn, giảm 8,2% so cùng kỳ năm trước.

Sản lượng thủy sản nuôi trồng 02 tháng ước đạt 6.031 tấn, tăng 3,0% so cùng kỳ năm trước. Trong đó, sản lượng cá ước đạt 1.589 tấn, tăng 3,5% so cùng kỳ năm trước; sản lượng tôm ước đạt 1.582 tấn, tăng 4,1% so cùng kỳ năm trước; sản lượng thủy sản khác ước đạt 2.860 tấn, tăng 2,1% so cùng kỳ năm trước.

• **Tình hình thả nuôi tôm: (Tại huyện Cần Giờ tính đến ngày 03/02/2021)**

+ Tôm sú: Hiện có 289 lượt hộ thả nuôi với 25,6 triệu con giống trên diện tích 3.301,9 ha. So với cùng kỳ, diện tích tăng 0,1%, con giống tăng 0,7%.

+ Tôm thẻ chân trắng: Có 320 lượt hộ thả nuôi với 123,3 triệu con giống trên diện tích 258,8 ha.

Trong tháng, có 5 lượt hộ nuôi có tôm bệnh đốm trắng trên diện tích 1,2 ha, làm thiệt hại 0,8 triệu con giống; cả 5 hộ đều được xử lý dập bệnh bằng 307 kg thuốc TTCA của nguồn quỹ phòng ngừa dịch bệnh.

III. VỐN ĐẦU TƯ

1. Đầu tư xây dựng

Vốn đầu tư xây dựng thuộc ngân sách thành phố 02 tháng ước thực hiện 1.055 tỷ đồng, tăng 10% so với cùng kỳ năm trước. Cấp thành phố ước thực hiện 704 tỷ đồng, chiếm 66,7%; cấp quận huyện ước thực hiện 351 tỷ đồng, chiếm 33,3%.

Vốn đầu tư thực hiện từ ngân sách địa phương

	Thực hiện 02 tháng (tỷ đồng)	So với cùng kỳ (%)
Tổng vốn đầu tư	1.055	110,0
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	92	108,2
Cấp thành phố	704	156,4
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	92	108,2
Cấp quận huyện	351	71,3
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	-	-

Ủy Ban Nhân Dân Thành phố đã giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021 cho các Sở ngành và khối quận huyện sớm hơn các năm trước, với tổng vốn đợt 1 là 35.749,2 tỷ đồng so với năm trước tăng 5,3%. Bao gồm các nguồn vốn: Vốn ODA Trung ương cấp phát 3.615,8 tỷ đồng, vốn cân đối ngân sách tỉnh 30.251,8 tỷ đồng và vốn khác 1.881,7 tỷ đồng.

Tháng hai năm nay do ảnh hưởng của Tết vào những ngày giữa tháng, nên khối lượng ước thực hiện thấp, so với tháng trước bằng 81,9%, tập trung chủ yếu là

các dự án chuyển tiếp của năm trước chuyển qua như: các dự án cầu đường và hệ thống thoát nước.

Trong tháng, khối lượng vốn thực hiện tập trung chủ yếu ở một số Sở ngành có vốn lớn như: Sở Giao Thông Vận Tải; Ban quản lý đường sắt Đô thị; Ban quản lý nâng cấp đô thị; ... và các quận, huyện có các dự án chuyển tiếp.

Tình hình thực hiện một số công trình trọng điểm

- **Dự án chống ngập 10.000 tỷ đồng:** Khối lượng thi công hiện đến nay đạt khoảng 91%, nhưng hiện đang vướng các thủ tục pháp lý và có nguy cơ phải tạm ngừng thi công;

- **Dự án tuyến đường sắt Metro số 1 Bến Thành – Suối Tiên:** Hiện đang thi công lắp ráp cáp điện trên toàn tuyến, đang hoàn thiện dần gói thầu nhà ga Ba Son, dự kiến hoàn thành vào quý 2/2021. Khối lượng toàn tuyến đạt trên 85%;

- **Dự án tuyến đường sắt Metro số 2:** Tính đến nay, các quận huyện đã bồi thường 601/603 trường hợp (đạt 99,67%), đang di dời hạ tầng kỹ thuật trên toàn tuyến Metro số 2 đi qua để kịp khởi công xây dựng trong năm nay;

- **Dự án cầu Thủ Thiêm 2 nối quận 1 với quận 2:** Hiện đang thi công cầm chừng, chờ kết quả giải quyết vướng mắc liên quan đến việc chưa xác nhận được khối lượng và giá trị thực hiện để cung cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất làm tài sản đảm bảo nguồn vay cho dự án.

Tình hình cấp phép xây dựng nhà ở hộ dân cư

Tháng 1, thành phố đã cấp 2.893 giấy phép xây dựng và sửa chữa lớn, với diện tích sàn 489 nghìn m². Trong đó, cấp cho xây dựng mới 2.743 giấy phép, với diện tích 473 nghìn m² và 150 giấy phép sửa chữa lớn, với diện tích 16 nghìn m².

So với cùng kỳ tăng 6,4% về giấy phép (+ 173) và bằng 67,5% về diện tích (- 238 nghìn m²).

2. Đăng ký thành lập doanh nghiệp

Từ đầu năm đến ngày 15/02/2021, thành phố đã cấp phép cho 3.657 doanh nghiệp với tổng vốn đăng ký đạt 120.066 tỷ đồng. So với cùng kỳ năm trước, số giấy phép giảm 10,9%, vốn tăng gấp 2 lần.

Phân theo loại hình: Công ty TNHH có 3.156 đơn vị, giảm 12,1% so với cùng kỳ; tổng vốn đăng ký đạt 77.784 tỷ đồng, tăng gấp 2,5 lần so với cùng kỳ năm trước. Công ty cổ phần có 470 đơn vị, giảm 3,9%; vốn đăng ký 42.249 tỷ đồng, tăng 97% so với cùng kỳ. Doanh nghiệp tư nhân có 30 đơn vị, vốn đăng ký đạt 33 tỷ đồng; số giấy phép tăng 36,4% và số vốn tăng gấp đôi cùng kỳ.

Phân theo khu vực:

– **Khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản:** Số lượng doanh nghiệp cấp phép là 23 đơn vị, tăng 35,3%; vốn đăng ký đạt 547 tỷ đồng, tăng 148,7% so với cùng kỳ năm trước.

– **Khu vực công nghiệp, xây dựng:** Cấp phép 703 doanh nghiệp, giảm 7,7% so với cùng kỳ; vốn đăng ký đạt 60.979 tỷ đồng, tăng 402,2%. Trong đó, ngành xây dựng có 304 doanh nghiệp, vốn đạt 7.812 tỷ đồng, giảm 17,9% về vốn so với cùng kỳ năm trước; nhóm ngành công nghiệp có 399 đơn vị, giảm 6,3%, số vốn đăng ký đạt 53.167 tỷ đồng, tăng mạnh so với tháng trước, gấp 20 lần.

– **Khu vực thương mại, dịch vụ:** Cấp phép 2.931 doanh nghiệp, giảm 11,8% so với cùng kỳ năm trước; vốn đăng ký đạt 58.540 tỷ đồng, tăng 45,8%. Trong đó, **hoạt động kinh doanh bất động sản** 235 đơn vị, tăng 4,9%; vốn đăng ký 20.978 tỷ đồng, tăng 5,7% so với cùng kỳ. **Thương nghiệp** có 1.345 doanh nghiệp, giảm 9,7%; vốn đăng ký đạt 19.308 tỷ đồng, gấp 2 lần. **Vận tải** có 130 dự án, vốn đăng ký là 6.621 tỷ đồng, tăng gấp 6 lần so với cùng kỳ. **Hoạt động chuyên môn, khoa học công nghệ** 418 doanh nghiệp, vốn đăng ký 2.449 tỷ đồng; so với cùng kỳ năm trước, số giấy phép giảm 8,9%, vốn đăng ký tăng 14,1%.

3. Tình hình cấp phép đầu tư trực tiếp nước ngoài

Hiện nay trên thế giới tình hình dịch Covid-19 vẫn còn diễn biến phức tạp, đặc biệt nhiều quốc gia là đối tác đầu tư chủ yếu tại Thành phố Hồ Chí Minh chưa có dấu hiệu suy giảm. Hai tháng đầu năm 2021 chỉ có 3 dự án mới đầu tư vào thành phố với vốn đăng ký là 115 triệu đó, trong đó có đến 99,7% vốn đầu tư là ngành kinh doanh bất động sản, từ quốc gia Singapore (chiếm 29,6%); Hà Lan (chiếm 70,1%).

Bên cạnh những dự án cấp mới, tính từ đầu năm đến ngày 20/02/2021, thành phố còn có 22 dự án điều chỉnh vốn đăng ký, với số vốn là 53,3 triệu USD; 168 lượt dự án, góp vốn mua cổ phần, với số vốn là 169,5 triệu USD.

Tổng vốn đầu tư cấp mới, điều chỉnh, góp vốn, mua cổ phần trong 2 tháng là 337,8 triệu USD, bằng 70,3% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, hoạt động kinh doanh bất động sản với vốn đầu tư là 145,1 triệu USD, chiếm 43%; hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ 57,5 triệu USD, chiếm 17%; công nghiệp chế biến, chế tạo 41 triệu USD, chiếm 12,1%; giáo dục và đào tạo 27,9 triệu USD, chiếm 8,3%; thương nghiệp 25,5 triệu USD, chiếm 7,5%. Các quốc gia dẫn đầu về vốn là Singapore chiếm 37,1%; Hà Lan chiếm 23,9%; Hàn Quốc chiếm 13,2%; Cayman Islands chiếm 7,6%; Nhật Bản chiếm 3,8%.

IV. NỘI THƯƠNG VÀ CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG

1. Nội thương

Tháng 2 là thời gian diễn ra Tết nguyên đán Tân Sửu nhưng năm nay sức mua của người tiêu dùng sụt giảm mạnh do dịch Covid-19 quay lại vào cuối tháng 1 tại Việt Nam, một số địa điểm dân cư trên địa bàn thành phố được phong tỏa nhằm ngăn chặn, kiểm soát dịch bệnh. Bên cạnh đó, thu nhập người dân bị ảnh hưởng do tác động Covid-19 năm 2020, đồng thời, tâm lý e ngại dịch bệnh nên các hoạt động ăn uống, liên hoan, vui chơi, giải trí bị hạn chế. **Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 2 dự ước đạt 110.675 tỷ đồng, giảm 6,4% so với tháng trước và tăng 4,7% so với tháng cùng kỳ năm trước.**

Tình hình giá cả thị trường trước, trong và sau Tết ổn định, không có nhiều biến động. Các đơn vị phân phối hiện đại như trung tâm thương mại, siêu thị, cửa hàng tiện lợi trên địa bàn đã sớm xây dựng kế hoạch và chuẩn bị lượng hàng hóa phục vụ ngày Tết. Đồng thời, công tác kiểm tra, giám sát hàng giả, hàng kém chất lượng, niêm yết giá cả tại các chợ truyền thống đã được tăng cường, đảm bảo hàng hóa cho người dân.

Lượng hàng hóa Tết Tân Sửu năm 2021 dồi dào, phong phú, đảm bảo cung ứng cho người tiêu dùng. Nhiều chương trình khuyến mại nhằm thu hút người tiêu dùng mua sắm được triển khai, nhưng do ảnh hưởng đại dịch nên số lượt khách đến

mua sắm năm nay khá thấp. Thay vào đó, các hình thức mua sắm trực tuyến, giao nhận tận nhà được đẩy mạnh nhằm hỗ trợ người dân mua sắm, đồng thời cải thiện doanh thu của các đơn vị kinh doanh trên địa bàn.

Doanh thu bán lẻ hàng hóa tháng 2 ước đạt 69.912 tỷ đồng, giảm 5,9% so với tháng trước và tăng 10,3% so với tháng cùng kỳ năm trước. Các cơ sở kinh doanh ăn uống, lưu trú và lữ hành tiếp tục bị ảnh hưởng nghiêm trọng từ đại dịch. Doanh thu dịch vụ ăn uống, lưu trú tháng 2 ước đạt 6.099 tỷ đồng, giảm 27,2% so với tháng trước và giảm 14,9% so với tháng cùng kỳ năm trước. Doanh thu dịch vụ lữ hành đạt 501 tỷ đồng, giảm 29,8% so tháng trước và giảm 67,4% so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu dịch vụ khác là 34.163 tỷ đồng, giảm 2,1% so với tháng trước và tăng 1,6% so với cùng kỳ năm trước.

Tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ 02 tháng năm 2021

	Ước thực hiện 2 tháng (tỷ đồng)			% so sánh 2 tháng so với cùng kỳ		
	Tổng số	Kinh tế trong nước	Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	Tổng số	Kinh tế trong nước	Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài
Tổng mức	228.911	193.542	35.369	103,6	103,2	106,2
<i>Trong đó:</i>						
Thương nghiệp	144.175	133.683	10.492	111,0	111,8	102,6
Khách sạn	1.272	928	344	72,0	87,8	48,5
Nhà hàng	13.201	11.850	1.351	87,6	86,7	96,0
Du lịch	1.215	1.174	41	30,8	31,1	24,0

Lũy kế 2 tháng năm 2021, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 228.911 tỷ đồng, tăng 3,6% so với cùng kỳ năm trước.

Xét theo loại hình kinh tế, kinh tế nhà nước ước đạt 13.989 tỷ đồng, chiếm 6,1% trong tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ, tăng 3,5% so với cùng kỳ năm trước; kinh tế ngoài nhà nước đạt 179.553 tỷ đồng, chiếm 78,4%, tăng 3,1%; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 35.369 tỷ đồng, chiếm 15,5%, tăng 6,2%.

Xét theo ngành kinh tế, doanh thu bán lẻ ước đạt 144.175 tỷ đồng, chiếm 63% trong tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ, tăng 11% so với cùng

kỳ. Trong đó, nhóm hàng đồ dùng, dụng cụ trang thiết bị gia đình đạt 27.266 tỷ đồng, chiếm 18,9% trong doanh thu bán lẻ, tăng 12%; lương thực, thực phẩm đạt 25.196 tỷ đồng, chiếm 17,5% trong doanh thu bán lẻ, tăng 11,2%; xăng dầu các loại đạt 13.341 tỷ đồng, chiếm 9,3%, tăng 12,1%; hàng may mặc đạt 9.462 tỷ đồng, chiếm 6,6%, tăng 3,9%.

Dịch vụ lưu trú và ăn uống ước đạt 14.473 tỷ đồng, chiếm 6,3% trong tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ, giảm 14,1% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, dịch vụ ăn uống 13.201 tỷ đồng, giảm 12,4%; dịch vụ lưu trú 1.272 tỷ đồng, giảm 28%.

Du lịch, lữ hành ước đạt 1.215 tỷ đồng, chiếm 0,5%, giảm 69,2% so với cùng kỳ năm trước.

Doanh thu dịch vụ tiêu dùng khác ước đạt 69.048 tỷ đồng, chiếm 30,2%, giảm 1,8% so với cùng kỳ. Hoạt động kinh doanh bất động sản 44.935 tỷ đồng, tăng 4,2%; giáo dục và đào tạo 3.672 tỷ đồng, giảm 13,6%; y tế và hoạt động trợ giúp xã hội 3.605 tỷ đồng, giảm 2,1%.

2. Chỉ số giá tiêu dùng

Chỉ số giá tiêu dùng tháng 02 năm 2021 tăng **1,19% so với tháng trước**. Trong đó, có 2 nhóm giảm là nhóm thuốc và dịch vụ y tế (-0,05%), nhóm giáo dục (-0,01%); các nhóm còn lại đều tăng so tháng trước, tăng cao nhất là nhóm nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng (+2,06%).

Diễn biến giá cụ thể một số nhóm ngành hàng so với tháng trước:

Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống: chỉ số giá của nhóm này tăng 1,35% so với tháng trước. Trong đó, lương thực tăng 0,07%, tập trung ở các nhóm bột mì và ngũ cốc khác, nhóm lương thực chế biến do nhu cầu sử dụng tăng mạnh vào dịp Tết nguyên đán. Nhóm thực phẩm tăng 1,79% so với tháng trước, trong đó tăng cao nhất là nhóm thịt gia súc (+3,99%) với giá thịt lợn tăng 5,28%, thịt bò tăng 2,36% do các nhu cầu tăng dịp Tết nguyên đán; thịt gia cầm tăng 3,99%; thịt chế biến tăng 2,34%. Tương tự, nhóm thủy sản tươi sống tăng 3,12%, thủy sản chế biến tăng 2,37%, nhóm bánh, mứt, kẹo tăng 2,04%; riêng nhóm rau tươi, khô và chế biến giảm 2,35% do nguồn cung cấp dồi dào.

Nhóm đồ uống và thuốc lá: tăng 0,41% so tháng trước, trong đó, các mặt hàng như nước khoáng và nước có ga giảm 0,02% do chương trình giảm giá những ngày cận Tết, rượu bia tăng 0,44%, thuốc hút tăng 0,95%.

Nhóm may mặc, mũ nón, giày dép: tăng 0,35% so với tháng trước do nhu cầu mua sắm tăng. Cụ thể, quần áo may sẵn tăng 0,54%; dịch vụ may mặc, mũ nón, giày dép tăng 1,91%.

Nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt, VLXD: tăng 2,06% so với tháng trước, trong đó, giá điện sinh hoạt tăng 13,00% do kết thúc hỗ trợ giảm giá điện, giảm tiền điện cho các khách hàng ảnh hưởng dịch Covid-19 đợt 2, giá nước sinh hoạt tăng 2,65%. Trong khi đó thì giá nhà ở thuê giảm 0,14% do đơn vị cho thuê giảm giá nhà dịp Tết cho khách ảnh hưởng Covid-19. Gas và các loại chất đốt tăng 4,84% do ảnh hưởng của giá xăng dầu tăng cao, cụ thể giá gas tăng 4,94%, giá dầu hỏa tăng 3,70%.

Nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình: tăng 0,31% so với tháng trước do nhu cầu mua sắm dịp Tết. Một số mặt hàng ngưng khuyến mãi làm giá điều chỉnh trở về giá cũ như: máy giặt, ấm phích nước điện...

Nhóm giao thông: tăng 1,68% so với tháng trước, cụ thể, phương tiện đi lại tăng 0,27% do đại lý hãng xe ô tô điều chỉnh giá cho năm mới, nhóm nhiên liệu tăng 2,81% chủ yếu do tác động của 2 lần điều chỉnh giá xăng dầu vào ngày 26/01/2021 và ngày 25/02/2021. Theo đó, giá xăng tăng 3,27%, dầu diesel tăng 3,42% so tháng trước; các nhóm còn lại không biến động.

Chỉ số giá tiêu dùng, giá vàng và tỷ giá USD

	Tháng 02 so với		Đơn vị tính: %	
	tháng cùng kỳ năm trước		Chỉ số giá bình quân	
	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2020	Năm 2021
1. Chỉ số giá tiêu dùng	105,07	101,22	105,41	100,52
Trong đó: Lương thực	101,35	104,22	101,38	104,32
Thực phẩm	106,58	103,92	107,95	102,54
2. Chỉ số giá vàng	120,20	128,27	118,93	129,39
3. Chỉ số giá USD	100,27	99,32	100,06	99,47

CPI tháng 02 năm 2021 tăng 1,26% so với tháng 12 năm 2020 và tăng 1,22% so với cùng kỳ năm trước, bình quân 02 tháng năm 2021 tăng 0,52% so với bình quân năm 2020.

Chỉ số giá vàng tháng 02 năm 2021 tăng 1,10% so với tháng trước; tăng 3,08% so tháng 12 năm 2020 và tăng 28,27% so với cùng kỳ năm trước; bình quân 02 tháng năm 2021 tăng 29,39% so với năm trước. Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 02 năm 2021 tăng 0,02% so với tháng trước; giảm 0,03% so với tháng 12 năm 2020 và giảm 0,68% so với cùng kỳ năm trước; bình quân năm 2021 tăng 0,53% so với cùng kỳ.

V. XUẤT - NHẬP KHẨU HÀNG HÓA

Đại dịch Covid-19 vẫn tác động rất lớn đối với tất cả các nước trên thế giới, đặc biệt tại Châu Âu tốc độ lây nhiễm đang ở mức báo động và một số quốc gia đã đóng cửa biên giới. Đại dịch Covid-19 tiếp tục làm gián đoạn hoạt động thương mại quốc tế, mặc dù vậy hoạt động xuất khẩu hàng hóa của Thành phố vẫn đạt được mức tăng trưởng dương. Trong 02 tháng đầu năm 2021, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa của Thành phố tăng 39,9% so cùng kỳ năm trước, trong đó xuất khẩu tăng 25,1% và nhập khẩu tăng 53,1%. Khu vực vốn đầu tư nước ngoài được xem là động lực chính trong tăng trưởng xuất, nhập khẩu của Thành phố với kim ngạch xuất khẩu tăng 33,5% và nhập khẩu tăng 24,7% so cùng kỳ.

1. Xuất khẩu hàng hóa

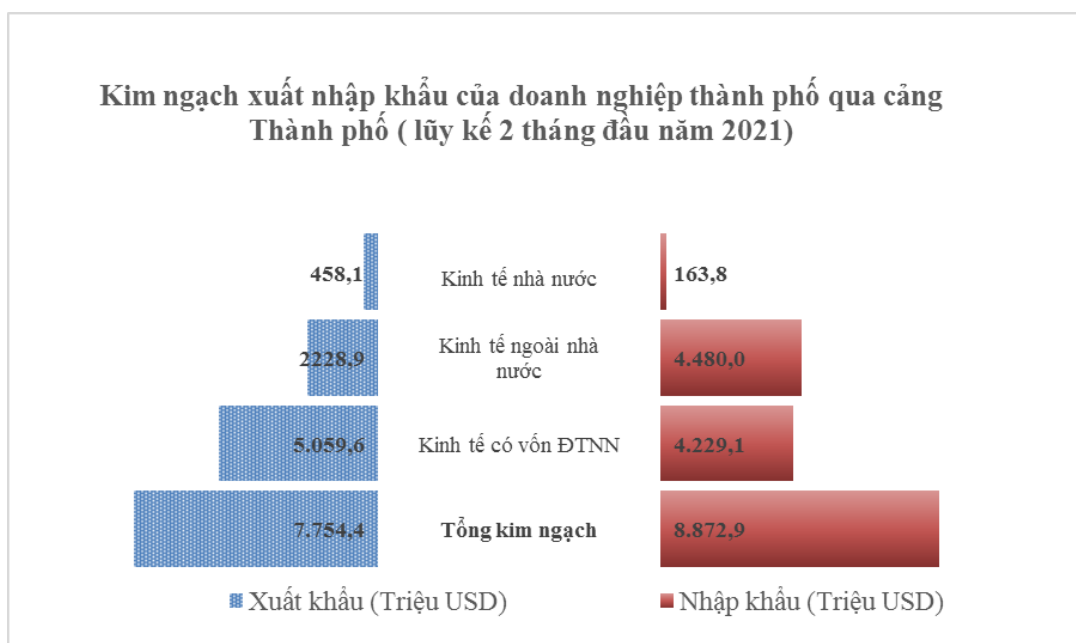
Ước tính tháng 02 năm 2021, tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá của doanh nghiệp Thành phố tại các cửa khẩu trên cả nước đạt 4.040,3 triệu USD, tăng 2,5% so tháng trước; riêng xuất khẩu không tính dầu thô đạt 3.810,8 triệu USD, tăng 0,5%.

Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá của doanh nghiệp Thành phố xuất qua cảng Thành phố (gồm cả dầu thô) trong tháng 02 năm 2021 đạt 3.960,7 triệu USD, chiếm 98,0% tổng giá trị xuất khẩu của Thành phố tại các cửa khẩu trên cả nước và tăng 12,4% so với tháng trước. Trong đó, khu vực kinh tế nhà nước đạt 270,2 triệu USD, tăng 43,8%; khu vực kinh tế ngoài nhà nước đạt 1.223,5 triệu USD, tăng

21,7%; khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đạt 2.730,0 triệu USD, tăng 17,2%.

Tính chung 02 tháng đầu năm 2021, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của doanh nghiệp Thành phố tại các cửa khẩu trên cả nước đạt 7.983,9 triệu USD, tăng 25,1% so cùng kỳ năm trước; riêng xuất khẩu không tính dầu thô đạt 7.604,5 triệu USD, tăng 26,5% so cùng kỳ năm trước.

Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá của các doanh nghiệp Thành phố xuất qua cảng Thành phố (gồm cả dầu thô) trong 02 tháng đầu năm 2021 đạt 7.754,4 triệu USD, chiếm 97,1% tổng giá trị xuất khẩu của Thành phố tại các cửa khẩu trên cả nước và tăng 30,3% so cùng kỳ năm trước. Trong đó, khu vực kinh tế nhà nước đạt 458,1 triệu USD, giảm 3,8%; khu vực kinh tế ngoài nhà nước đạt 2.228,9 triệu USD, tăng 32,1%; khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đạt 5.059,6 triệu USD, tăng 33,5%.



Cơ cấu nhóm hàng xuất khẩu qua cảng Thành phố trong 02 tháng đầu năm 2021 của doanh nghiệp Thành phố (loại trừ dầu thô) gồm:

- *Nhóm hàng nông sản* có giá trị xuất khẩu đạt 549,7 triệu USD, tăng 2,6% và chiếm 18,1% tổng kim ngạch xuất khẩu, trong đó:

+ Gạo có sản lượng xuất khẩu đạt 212,4 ngàn tấn với giá trị đạt 135,1 triệu USD, tăng 5,4% so cùng kỳ năm 2020;

+ Cà phê có sản lượng xuất khẩu đạt 46,4 ngàn tấn với giá trị đạt 74,7 triệu USD, giảm 18,8%;

+ Hạt tiêu có sản lượng xuất khẩu đạt 9,4 ngàn tấn với giá trị đạt 27,3 triệu USD, giảm 14,0%.

- *Nhóm hàng lâm sản* có giá trị xuất khẩu đạt 224,6 triệu USD, tăng 160,4% so cùng kỳ và chiếm tỷ trọng 7,4%;

- *Nhóm hàng thủy hải sản* có giá trị xuất khẩu đạt 135,9 triệu USD, tăng 8,9% so cùng kỳ và chiếm tỷ trọng 3,1%;

- *Nhóm hàng công nghiệp* có giá trị xuất khẩu đạt 259,2 triệu USD, giảm 83,8% so cùng kỳ và chiếm tỷ trọng 78,2%, trong đó:

+ Máy tính, sản phẩm điện tử và linh kiện có giá trị xuất khẩu đạt 2.573,6 triệu USD, tăng 11,2%.

+ Dệt, may có giá trị xuất khẩu đạt 632,5 triệu USD, giảm 17,9% so với cùng kỳ năm 2020.

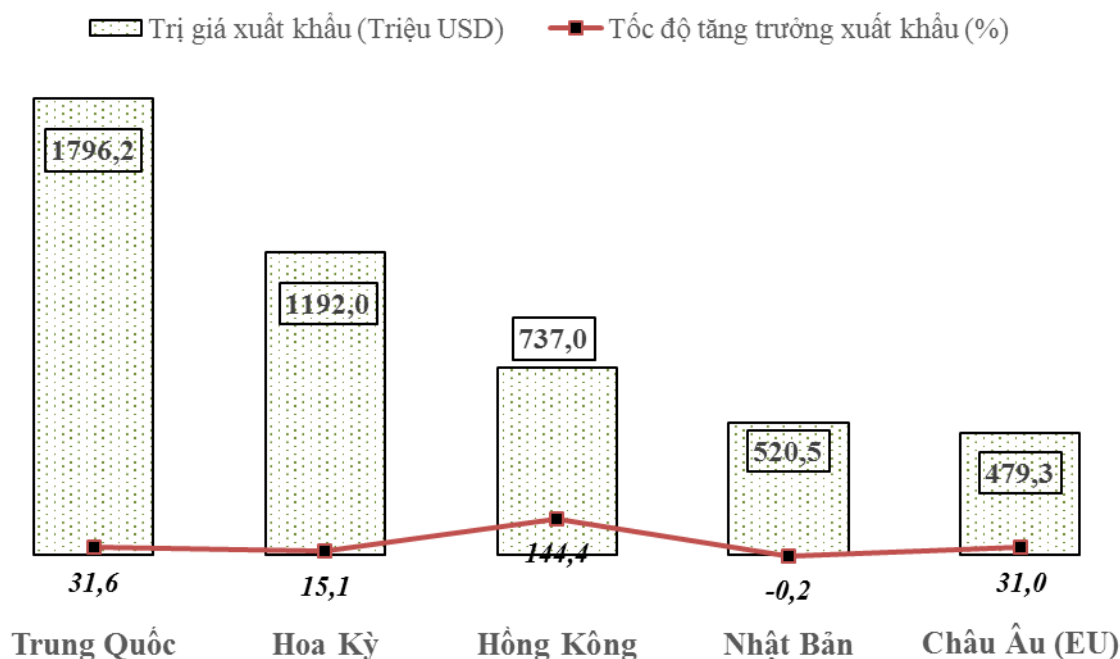
+ Giày dép có giá trị xuất khẩu đạt 388,9 triệu USD, giảm 2,3% so cùng kỳ.

+ Máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng khác có giá trị xuất khẩu đạt 400,7 triệu USD, tăng 23,0%.

- *Nhóm hàng hóa khác* có giá trị xuất khẩu đạt 1.872,5 triệu USD, tăng 324,8% so cùng kỳ.

Riêng mặt hàng dầu thô, sản lượng xuất khẩu trong 11 tháng đầu năm 2020 đạt 960,7 ngàn tấn (tăng 53,1% so cùng kỳ) với giá trị đạt 379,4 triệu USD (tăng 2,4%).

Kim ngạch xuất khẩu và tốc độ tăng trưởng xuất khẩu tại các thị trường chủ lực (lũy kế 02 tháng 2021)



Về thị trường xuất khẩu hàng hóa, Trung Quốc vẫn là thị trường xuất khẩu lớn nhất của các doanh nghiệp Thành phố với kim ngạch xuất khẩu trong 02 tháng đầu năm 2021 đạt 1.796,2 triệu USD, tăng 31,6% so cùng kỳ năm 2020, chiếm 23,2% tỷ trọng xuất khẩu.

Thứ hai, xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ đạt 1.192,0 triệu USD, tăng 15,1% so cùng kỳ, chiếm 15,4% tỷ trọng xuất khẩu.

Thứ ba, xuất khẩu sang thị trường Hồng Kông đạt 737,0 triệu USD, tăng 144,4% so cùng kỳ, chiếm 9,5% tỷ trọng xuất khẩu.

Thứ tư, xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản đạt 520,5 triệu USD, giảm 0,2% so cùng kỳ, chiếm 6,7% tỷ trọng xuất khẩu.

2. Nhập khẩu hàng hóa

Ước tính tháng 02 năm 2021, tổng kim ngạch nhập khẩu của doanh nghiệp Thành phố tại các cửa khẩu trên cả nước đạt 5.850,4 triệu USD và tăng 15,2% so với tháng trước.

Tổng kim ngạch nhập khẩu của doanh nghiệp Thành phố qua cảng Thành phố đạt 4.615,4 triệu USD, chiếm 78,9% tổng kim ngạch nhập khẩu của doanh

nghiệp thành phố tại các cửa khẩu trên cả nước và tăng 8,4% so với tháng trước; trong đó khu vực kinh tế nhà nước đạt 85,4 triệu USD, tăng 8,9%; khu vực kinh tế ngoài nhà nước đạt 2.242,3 triệu USD, tăng 0,2%; khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đạt 2.287,7 triệu USD, tăng 17,8%.

Lũy kế 02 tháng đầu năm 2021, tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của doanh nghiệp Thành phố tại các cửa khẩu trên cả nước đạt 10.928,3 triệu USD, tăng 53,1% so cùng kỳ năm trước.

Tổng kim ngạch nhập khẩu của doanh nghiệp Thành phố qua cảng Thành phố đạt 8.872,9 triệu USD, chiếm 81,2% tổng kim ngạch nhập khẩu của doanh nghiệp thành phố tại các cửa khẩu trên cả nước và tăng 41,9% so cùng kỳ năm trước; trong đó khu vực kinh tế nhà nước đạt 163,8 triệu USD, giảm 3,7%; khu vực kinh tế ngoài nhà nước đạt 4.480,0 triệu USD, tăng 66,3%; khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đạt 4.229,1 triệu USD, tăng 24,7%.

Cơ cấu nhóm hàng hóa nhập khẩu qua cảng Thành phố trong 02 tháng đầu năm 2021 gồm:

- Nhóm hàng nguyên nhiên vật liệu đạt 2.048,6 triệu USD, tăng 43,2% so cùng kỳ năm 2020, chiếm tỷ trọng 18,3%;

- Nhóm hàng máy móc, thiết bị, phụ tùng đạt 4.641,5 triệu USD, tăng 40,4%, chiếm tỷ trọng 21,6%;

- Nhóm hàng tiêu dùng đạt 341,7 triệu USD, tăng 23,6%, chiếm tỷ trọng 16,4%;

- Nhóm hàng hóa khác đạt 956,2 triệu USD, giảm 59,4% và chiếm 22,8% tỷ trọng nhập khẩu.

Một số mặt hàng nhập khẩu chủ yếu của doanh nghiệp Thành phố qua cảng Thành phố trong 02 tháng đầu năm 2021 gồm:

- Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện có trị giá nhập khẩu đạt 3.007,1 triệu USD, tăng 32,1% so cùng kỳ năm 2020, chiếm 33,9% tỷ trọng nhập khẩu;

- Máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng khác có trị giá nhập khẩu đạt 842,6 triệu USD, tăng 20,8%, chiếm tỷ trọng 9,5%;

- Vải các loại có trị giá nhập khẩu đạt 107,2 triệu USD, tăng 11,9%, chiếm tỷ trọng 3,2%;

- Chất dẻo nguyên liệu có giá trị nhập khẩu đạt 96,8 triệu USD, tăng 51,8%, chiếm tỷ trọng 4,6%;

- Sắt thép có trị giá nhập khẩu đạt 1.144,7 triệu USD, giảm 25,1% chiếm tỷ trọng 3,3%.

VI. VẬN TẢI

1. Doanh thu vận tải

Tình hình dịch bệnh Covid-19 bùng phát trở lại tác động trực tiếp vào ngành vận tải, nhất là vào thời điểm trước và sau tết Nguyên đán năm 2021, khiến ngành vận tải gặp rất nhiều khó khăn. Tổng doanh thu vận tải tháng 02 ước đạt 18.543 tỷ đồng, giảm 16,7% so với tháng trước và giảm 5,1% so tháng cùng kỳ. Hai tháng đầu năm ước đạt 40.807 tỷ đồng, tăng 0,5% so cùng kỳ. Trong đó vận tải hàng hóa 10.447 tỷ đồng, tăng 6,6%; vận tải hành khách 1.839 tỷ đồng, giảm 55,1%; kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải tăng 6,7% so với cùng kỳ.

Doanh thu vận chuyển hàng hóa và hành khách tháng 02 năm 2021

	Doanh thu 02 tháng (tỷ đồng)		So sánh với cùng kỳ năm 2020 (%)	
	Hàng hóa	Hành khách	Hàng hóa	Hành khách
Tổng số	10.447	1.839	106,6	44,9
<i>*Phân theo khu vực kinh tế</i>				
Kinh tế nhà nước	1.643	115	105,1	34,8
Kinh tế ngoài nhà nước	7.946	1.416	114,7	53,7
Kinh tế có vốn nước ngoài	858	308	65,9	29,8
<i>*Phân theo phương tiện vận tải</i>				
Đường bộ	7.403	1.416	111,1	53,6
Đường sắt	66	107	161,3	35,0
Đường sông	677	60	127,8	84,0
Đường biển	2.289	3	90,0	2,9
Đường hàng không	12	253	41,9	26,1

** Vận tải hàng hóa:* Doanh thu 02 tháng đầu năm ước đạt 10.447 tỷ đồng, tăng 6,6% so cùng kỳ năm trước. Khu vực kinh tế nhà nước chiếm 15,7%, tăng 5,1% so cùng kỳ; khu vực kinh tế ngoài nhà nước chiếm 76,1%, tăng 14,7%; khu vực đầu tư nước ngoài chiếm 8,2%, giảm 34,1%.

Trong đó: Vận tải đường bộ chiếm 70,8%, tăng 11,1%; vận tải đường biển chiếm 21,9%, giảm 10% so cùng kỳ; vận tải đường sông chiếm 6,5%, tăng 127,8%.

* **Vận tải hành khách:** Doanh thu 02 tháng đầu năm ước đạt 1.839 tỷ đồng, giảm 55,1% so cùng kỳ. Kinh tế ngoài nhà nước chiếm chủ yếu 77,0%, giảm 46,3% so cùng kỳ; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 16,7%, giảm 70,2% so cùng kỳ.

Trong đó: Vận tải đường bộ chiếm 77,0%, giảm 46,4% so cùng kỳ, đường hàng không chiếm 13,8%, giảm 73,9% so cùng kỳ.

2. Sản lượng vận tải hàng hóa và hành khách

a. Sản lượng vận tải hàng hóa: tháng 2 ước đạt 24.155 nghìn tấn, so với tháng trước giảm 11%. Hai tháng đầu năm ước đạt 51.299 nghìn tấn, so cùng kỳ tăng 0,6%. Khu vực nhà nước chiếm 10,2%, tăng 3,6%; khu vực kinh tế ngoài nhà nước chiếm 67,9%, tăng 19,7% và khu vực đầu tư nước ngoài chiếm 21,9%, giảm 33,5% so cùng kỳ.

Trong đó: Vận tải đường bộ chiếm 70%, giảm 2,2% so cùng kỳ; vận tải đường sông chiếm 17,4%, tăng 22,8% so cùng kỳ; vận tải đường biển chiếm 12,3%, giảm 8,4%.

b. Sản lượng vận tải hành khách: tháng 02 ước đạt 34.627 nghìn hành khách, so với tháng trước giảm 16%. Hai tháng ước đạt 75.871 nghìn hành khách, so với cùng kỳ giảm 48,4%. Khu vực nhà nước chiếm 0,1%, giảm 66,7%; khu vực ngoài nhà nước chiếm 95,9%, giảm 48,6% và khu vực đầu tư nước ngoài chiếm 3%, giảm 23,6%. *Trong đó:* Vận tải đường bộ chiếm 91,6%, giảm 49,9%; vận tải đường sông chiếm 7,5%, giảm 16,3%.

VII. TÀI CHÍNH

1. Tài chính

Dự toán tổng thu cân đối ngân sách Nhà nước trên địa bàn thành phố năm 2021 là 364.893 tỷ đồng, giảm 10,1% so dự toán năm 2020 và giảm 1,7% so với thực hiện năm 2020.

Tổng thu cân đối ngân sách Nhà nước 02 tháng đầu năm 2021 trên địa bàn thành phố ước đạt 74.475 tỷ đồng, đạt 20,4% tổng dự toán năm 2021 và tăng 10,5% so cùng kỳ năm 2020. Trong đó:

- Thu nội địa ước đạt 57.538 tỷ đồng, đạt 23,2% dự toán năm, chiếm 77,3% tổng thu ngân sách và tăng 11,3% so cùng kỳ. Trong đó: Thu từ doanh nghiệp nhà nước ước đạt 4.889 tỷ đồng, đạt 18,1% dự toán năm, chiếm 6,6% tổng thu ngân sách và tăng 16,5% so cùng kỳ; Thu từ khu vực ngoài nhà nước ước đạt 19.058 tỷ đồng, đạt 28,1% dự toán năm, chiếm 25,6% tổng thu ngân sách và tăng 33% so cùng kỳ; Thu từ khu vực có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 15.802 tỷ đồng, đạt 24,7% dự toán, chiếm 21,2% tổng thu và tăng 13,1% so cùng kỳ; Thu dầu thô ước đạt 1.657 tỷ đồng, đạt 19,4% dự toán năm, chiếm 2,2% tổng thu ngân sách và giảm 43,4% so cùng kỳ;

- Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu ước đạt 16.937 tỷ đồng, đạt 15,7% dự toán năm, chiếm 22,7% tổng thu ngân sách và tăng 7,9% so cùng kỳ.

Thu cân đối ngân sách địa phương 02 tháng đầu năm 2021, ước đạt 3.401 tỷ đồng, đạt 19,4% dự toán năm, chiếm 18% tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn và tăng 11% so cùng kỳ năm 2020.

Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn 02 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Tỷ đồng

	Số liệu kỳ báo cáo	Số liệu cùng kỳ năm trước	Kỳ báo cáo so cùng kỳ năm trước (%)	Cơ cấu kỳ báo cáo (%)	Cơ cấu cùng kỳ năm trước (%)
A	1	2	3	4	5
Tổng thu cân đối NSNN (I+II)	74.475	67.372	110,5	100,0	100,0
I. Thu nội địa	57.538	51.681	111,3	77,3	76,7
<i>Trong đó:</i>					
- Doanh nghiệp nhà nước	4.889	4.198	116,5	6,6	6,2
- Khu vực ngoài nhà nước	19.058	14.326	133,0	25,6	21,3
- Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	15.802	13.971	113,1	21,2	20,7
- Thuế thu nhập cá nhân	9.464	9.618	98,4	12,7	14,3
- Thu phí, lệ phí	1.873	2.062	90,8	2,5	3,1
<i>Trong đó: Lệ phí trước bạ</i>	937	939	99,8	1,3	1,4
- Các khoản thu về nhà, đất	1.649	1.227	134,4	2,2	1,8
- Thu từ dầu thô	1.657	2.929	56,6	2,2	4,3
II. Thu hoạt động xuất nhập khẩu	16.937	15.692	107,9	22,7	23,3

Dự toán tổng chi ngân sách địa phương (trừ tạm ứng) năm 2021 là 97.002 tỷ đồng, giảm 4,9% so dự toán năm 2020.

Tổng chi ngân sách địa phương (trừ tạm ứng) 02 tháng đầu năm 2021 ước thực hiện 9.533 tỷ đồng, đạt 9,8% dự toán năm và tăng 20,2% so cùng kỳ năm 2020.

Trong đó:

- Chi cho đầu tư phát triển ước thực hiện 2.585 tỷ đồng, đạt 6,8% dự toán năm, chiếm 27,1% tổng chi ngân sách địa phương và tăng 214,2% so cùng kỳ;

- Chi thường xuyên ước thực hiện 5.366 tỷ đồng, đạt 11,2% dự toán năm, chiếm 56,3% tổng chi ngân sách địa phương và tăng 0,3% so cùng kỳ. Trong đó: Chi cho sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề ước thực hiện là 1.597 tỷ đồng, chiếm 9,3% dự toán năm và giảm 0,1% so cùng kỳ; chi cho sự nghiệp y tế ước thực hiện 156 tỷ đồng, chiếm 5% dự toán năm và tăng 1,6% so cùng kỳ; Chi khoa học và công nghệ ước thực hiện 368 tỷ đồng, chiếm 35,8% dự toán năm và tăng 3,4% so cùng kỳ.

Chi ngân sách địa phương 02 tháng đầu năm 2021

	Năm 2021		% thực hiện	
	(Tỷ đồng)		02 tháng 2021 so với	
	Dự toán	Ước TH 02 tháng	Dự toán năm 2021	Cùng kỳ năm 2020
A	1	2	3	4
TỔNG CHI (trừ tạm ứng)	97.002	9.533	9,8	120,2
Trong đó:				
1. Chi đầu tư phát triển	38.289	2.585	6,8	314,2
2. Chi thường xuyên	47.925	5.366	11,2	100,3
Trong đó:				
- Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	17.172	1.597	9,3	99,9
- Chi y tế, dân số và gia đình	3.094	156	5,0	101,6
- Chi khoa học và công nghệ	1.027	368	35,8	103,4

2. Ngân hàng

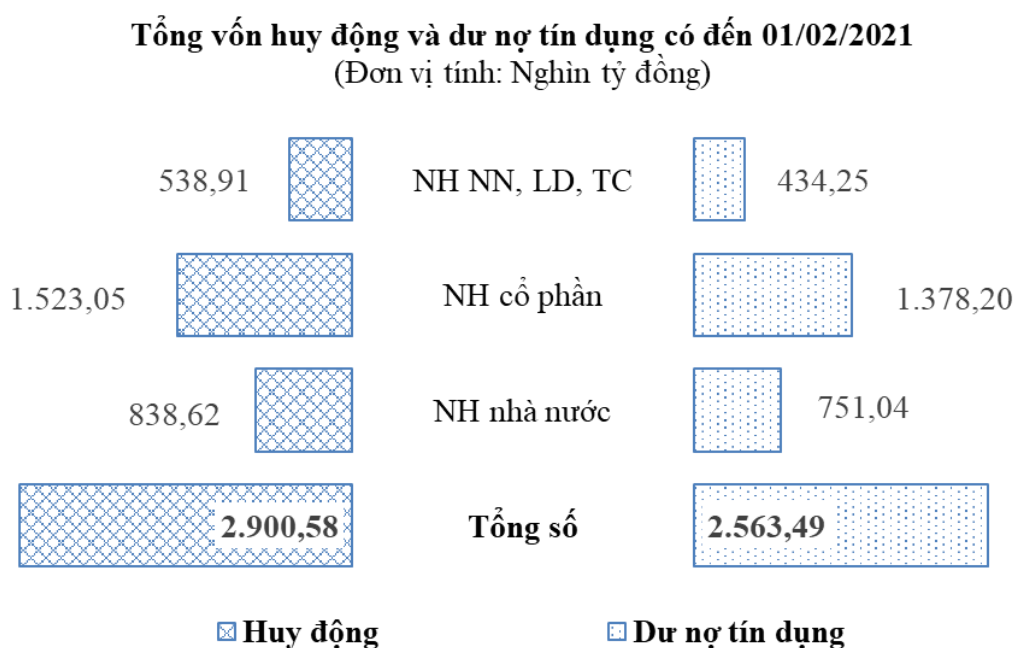
Tổng vốn huy động của toàn hệ thống ngân hàng trên địa bàn Thành phố tính đến 01/02/2021 đạt 2.900,58 nghìn tỷ đồng, giảm 0,26% so với tháng trước và tăng 14,7% so cùng kỳ năm 2020. Trong đó,

- Vốn huy động của khối ngân hàng nhà nước đạt 838,62 nghìn tỷ đồng, chiếm 28,91% tổng vốn huy động, giảm 1,94% so với tháng trước và tăng 11,42% so cùng kỳ;

- Vốn huy động của khối ngân hàng thương mại cổ phần đạt 1.523,05 nghìn tỷ đồng, chiếm 52,51% tổng vốn huy động, tăng 0,18% so với tháng trước và tăng 14,94% so cùng kỳ;

- Vốn huy động của khối ngân hàng nước ngoài, liên doanh đạt 538,91 nghìn tỷ đồng, chiếm 18,58% tổng vốn huy động, tăng 1,2% so với tháng trước và tăng 19,43% so cùng kỳ.

Tổng nguồn vốn huy động của toàn hệ thống ngân hàng phân theo loại tiền, trong đó vốn huy động bằng VNĐ đạt 2.555,3 nghìn tỷ đồng, chiếm 88,1% tổng vốn huy động, tăng 0,5% so với tháng trước và tăng 15,78% so cùng kỳ 2020; Vốn huy động bằng ngoại tệ đạt 345,28 nghìn tỷ đồng, chiếm 11,9% tổng vốn huy động, giảm 5,5% so tháng trước và tăng 7,28% so cùng kỳ.



Tổng dư nợ tín dụng của toàn hệ thống ngân hàng trên địa bàn Thành phố tính đến 01/02/2021 đạt 2.563,49 nghìn tỷ đồng, tăng 1,18% so với tháng trước và tăng 11,37% so cùng kỳ năm 2020. Trong đó:

- Dư nợ tín dụng của khối ngân hàng nhà nước đạt 751,04 nghìn tỷ, chiếm 29,3% tổng dư nợ toàn hệ thống, giảm 0,84% so với tháng trước và tăng 9,11% so với cùng kỳ;

- Dư nợ tín dụng của khối ngân hàng cổ phần đạt 1.378,2 nghìn tỷ đồng, chiếm 53,76% tổng dư nợ toàn hệ thống, tăng 1,62% so với tháng trước và tăng 13,53% so với cùng kỳ;

- Dư nợ tín dụng của khối ngân hàng nước ngoài, liên doanh đạt 434,25 nghìn tỷ đồng, chiếm 16,94% tổng dư nợ toàn hệ thống, tăng 3,37% so với tháng trước và tăng 8,66% so với cùng kỳ.

Tổng dư nợ tín dụng của toàn hệ thống ngân hàng phân theo loại tiền, trong đó dư nợ tín dụng bằng VND đạt 2.387,63 nghìn tỷ đồng, chiếm 93,14% tổng dư nợ toàn hệ thống, tăng 1,06% so với tháng trước và tăng 11,51% so cùng kỳ năm 2020; Dư nợ tín dụng bằng ngoại tệ đạt 175,53 nghìn tỷ đồng, chiếm 6,85%, tăng 2,53% so với tháng trước và tăng 9,28% so cùng kỳ.

Tổng dư nợ tín dụng của toàn hệ thống ngân hàng phân theo thời hạn cho vay, trong đó dư nợ ngắn hạn đạt 1.181,92 nghìn tỷ đồng, chiếm 46,11% tổng dư nợ tín dụng, tăng 0,24% so với tháng trước và tăng 7,23% so cùng kỳ năm 2020. Dư nợ trung hạn, dài hạn đạt 1.381,56 nghìn tỷ đồng, chiếm 53,89% tổng dư nợ, tăng 1,99% so với tháng trước và tăng 15,16% so cùng kỳ.

3. Thị trường chứng khoán

Tình hình giao dịch chứng khoán đến 29/01/2021, có 525 mã chứng khoán được phép giao dịch khớp lệnh bao gồm: 397 mã cổ phiếu; 10 mã chứng chỉ quỹ, quỹ ETF và 118 mã chứng quyền. So với cùng thời điểm tháng trước, số lượng mã chứng khoán giao dịch khớp lệnh đã tăng 5 mã cổ phiếu.

Trong tháng 01/2021, đã có 23 mã chứng khoán phát sinh giao dịch đầu tiên trong tháng gồm 4 cổ phiếu, 1 trái phiếu, 1 chứng chỉ quỹ ETF và 17 chứng quyền, cụ thể:

- 5 Cổ phiếu: TNH (Cty CP bệnh viện Quốc Tế Thái Nguyên), VIX (Cty Cổ phần chứng khoán VIX), MIG (Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Quân đội), NHA (Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Nam Hà Nội), OCB (Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông);

- 1 Trái phiếu của Công ty tập đoàn Masan;

• 17 Chứng quyền bao gồm 15 chứng quyền của Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam và 2 chứng quyền của Công ty TNHH Chứng khoán ACB.

Trong tháng 01/2021 đã ghi nhận 16 mã chứng khoán hủy niêm yết bao gồm 1 mã trái phiếu (VPL12021) và 15 mã chứng quyền.

Trong tháng 01/2021, có 20 phiên giao dịch với khối lượng giao dịch đạt 15.727,62 triệu chứng khoán, tăng 8,4% so với tháng trước và tổng giá trị giao dịch đạt 345.767,77 tỷ đồng, tăng 18% so với tháng trước. Trung bình mỗi phiên có 786,38 triệu chứng khoán được chuyển nhượng với giá trị 17.288,39 tỷ đồng. So với tháng trước, giao dịch trung bình mỗi phiên đã tăng 24,7% về khối lượng và tăng 35,7% về giá trị.

So cùng kỳ tháng 01/2020, tổng khối lượng giao dịch tăng gấp 4,9 lần và tổng giá trị giao dịch tăng gấp 5,3 lần. Trong đó, giao dịch khớp lệnh chiếm 93,7% tổng khối lượng và chiếm 90,1% tổng giá trị giao dịch chứng khoán trên thị trường.

Quy mô giao dịch chứng khoán trên Sàn giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh					
	Đơn vị tính	Kết quả giao dịch		% so sánh	
		Tháng 01/2021	Lũy kế 01 tháng 2021	Tháng 01/2021 so tháng 12/2020	Tháng 01/2021 so cùng kỳ
A. Tổng khối lượng giao dịch	Triệu CK	15.727,62	15.727,62	108,4	489,2
<i>1. Chia theo loại chứng khoán:</i>					
- Cổ phiếu	"	14.787,14	14.787,14	108,7	476,0
- Trái phiếu	"	24,86	24,86	132,8	77,0
- Chứng chỉ quỹ & ETF	"	268,36	268,36	150,9	955,7
- Chứng quyền	"	647,26	647,26	91,7	1.331,0
<i>2. Chia theo hình thức giao dịch:</i>					
- Giao dịch khớp lệnh	"	14.734,86	14.734,86	111,5	613,5
- Giao dịch thoả thuận	"	92,76	92,76	76,8	122,0
B. Tổng giá trị giao dịch	Tỷ đồng	345.767,77	345.767,77	118,0	525,5
<i>1. Chia theo loại chứng khoán:</i>					
- Cổ phiếu	"	335.927,98	335.927,98	117,3	542,0
- Trái phiếu	"	2.572,18	2.572,18	133,2	77,6
- Chứng chỉ quỹ & ETF	"	4.864,18	4.864,18	175,4	1.189,7
- Chứng quyền	"	2.403,43	2.403,43	123,9	2.413,8
<i>2. Chia theo hình thức giao dịch:</i>					
- Giao dịch khớp lệnh	"	311.582,93	311.582,93	119,9	715,6
- Giao dịch thoả thuận	"	34.184,84	34.184,84	103,6	153,5

Trong tháng 01/2021, có 20 phiên giao dịch chứng khoán, trong đó có 13 phiên tăng điểm và 7 phiên giảm điểm. Chỉ số VN-Index có xu hướng tăng trong 15 ngày đầu tiên của tháng và sau đó giảm, cụ thể: ngày 4/01/2021, VN-Index đạt 1.120,47 điểm và lập đỉnh vào ngày 15/01/2021 với VN-Index đạt 1.194,2 điểm, nhưng đến ngày 28/01/2021, VN-Index đã giảm chỉ còn 1.023,94 điểm.

Tính từ đầu năm 2021, VN-Index đạt giá trị cao nhất vào ngày 15/01/2020, với 1.194,20 điểm, tăng 8,2% (tương ứng tăng 90,33 điểm) so thời điểm cuối năm 2020 và giá trị vốn hóa thị trường đạt 4.424.506 tỷ đồng, tương đương 322,4% GRDP thành phố năm 2020. Đến ngày 28/01/2021, VN-Index đạt giá trị thấp nhất 1.023,94 điểm, giảm 7,2% (tương ứng giảm 79,93 điểm) so thời điểm cuối năm 2020.

PHẦN B – HOẠT ĐỘNG VĂN HÓA XÃ HỘI

I. Trật tự an toàn xã hội (từ ngày 16/01/2020 đến ngày 16/02/2021)

1. Vi phạm kinh tế, môi trường

Lĩnh vực kinh tế: đã khám phá 130 vụ vi phạm, 145 đối tượng có hành vi vi phạm trong lĩnh vực kinh tế, tham nhũng, buôn lậu; thu giữ hàng hóa trị giá khoảng 64 tỷ đồng.

Lĩnh vực môi trường, tài nguyên, an toàn thực phẩm: đã lập 57 biên bản vi phạm hành chính, đề xuất ban hành 49 quyết định xử phạt hành chính với số tiền hơn 2,765 tỷ đồng.

2. Phạm pháp hình sự: đã xảy ra 365 vụ phạm pháp hình sự, tăng 18,89% (+58 vụ) so với cùng kỳ năm trước. Các loại án tăng như: Các loại án tăng như: trộm tài sản (+27 vụ), cố ý gây thương tích (+05 vụ), chống người thi hành công vụ (+03 vụ), bắt giữ trái pháp luật (+03 vụ), giao cấu với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi (+02 vụ). Đã triệt phá 56 băng nhóm tội phạm, bắt 214 đối tượng, điều tra khám phá nhanh là 249 vụ (đạt 68,21%), bắt 394 người vi phạm.

3. Phòng, chống tệ nạn xã hội

Đã điều tra, xử lý 134 vụ, có 236 đối tượng hành vi mua bán, tàng trữ, vận chuyển và tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Khởi tố 112 vụ, 135 bị can, xử lý hành chính 22 vụ với 101 đối tượng. Thu giữ 37,02 kilogram Hêrôin; 204,71 kilogram ma túy tổng hợp; 3,35 kilogram cocain; 14,36 kilogram cần sa; 47,54 gram chất tạp chất; 01 khẩu súng và nhiều tang vật khác có liên quan.

Trong 07 ngày Tết, phát hiện 28 vụ đánh bạc dưới hình thức số đề, đánh bạc, đá gà ăn tiền, thu giữ: 511,2 triệu đồng, 700 USD, 15 xe gắn máy, 40 điện thoại di động, 01 phơi đề, 40 bộ bài, 06 con gà đá... Lập hồ sơ xử lý 235 đối tượng.

4. Trật tự an toàn giao thông

Trong tháng đã xảy ra 58 vụ tai nạn giao thông đường bộ từ ít nghiêm trọng trở lên tăng 52,63% (+20 vụ) so cùng kỳ năm 2020; làm chết 55 người, bị thương nặng 15 người và 81 vụ va chạm, làm bị thương nhẹ 89 người, hư hỏng 337 phương tiện các loại. Không xảy ra tai nạn giao thông đường sắt và tai nạn trên tuyến thủy nội địa. Trong đó: 7 ngày tết xảy ra 19 vụ tai nạn giao thông, giảm 34,48% (-10 vụ) so Tết Nguyên đán Canh Tý năm 2020, làm chết 05 người (-03 người), bị thương 21 người (không tăng giảm); trong đó xảy ra 05 vụ tai nạn giao thông từ ít nghiêm trọng trở lên giảm 37,5% (-03 vụ), làm 05 người chết (-03 người), bị thương 02 người (+02 người) và 14 vụ va chạm giao thông, làm bị thương 19 người; không xảy ra tai nạn giao thông đường thủy, đường sắt.

5. Về tình hình cháy, nổ

Trong tháng, đã xảy ra 19 vụ cháy, giảm 24,0% (-06 vụ) so với cùng kỳ (trong đó xảy ra 01 vụ lớn, 10 vụ cháy trung bình và 08 vụ cháy nhỏ thiệt hại không đáng kể); làm bị thương 02 người; thiệt hại tài sản ước tính khoảng 19 triệu đồng. Loại hình, cơ sở xảy ra cháy nhiều nhất vẫn là nhà đơn lẻ (06 vụ), công ty – doanh nghiệp (10 vụ)... với nguyên nhân phần lớn do sự cố hệ thống, thiết bị điện.

Trong 07 ngày Tết, trên địa bàn Thành phố xảy ra 02 vụ cháy giảm (-07 vụ) so với Tết Nguyên đán Canh Tý 2020, không có người chết, làm 01 người bị thương, tài sản thiệt hại ước tính khoảng 750 nghìn đồng (còn 01 vụ chưa ước tính được thiệt hại).

Trong tháng trên địa bàn thành phố không xảy ra vụ nổ nào.

II. Chăm lo Tết

Thành phố đã thực hiện chăm lo Tết Tân Sửu năm 2021 với tổng kinh phí là 813,1 tỷ đồng, tăng 1,1% so năm trước. Cụ thể:

- Đối tượng cho diện chính sách có công, dân nghèo và bảo trợ xã hội: Tổng kinh phí là 580,5 tỷ đồng (tăng 2,1% so với năm 2020), cụ thể: Quà tết cho diện chính sách có công: 383,1 tỷ đồng cho 293.579 đối tượng (tăng 4,8% so với năm 2020; diện dân nghèo: 23,3 tỷ đồng cho 18.682 hộ (giảm so với thực hiện năm 2020 là 10,3 tỷ đồng, do giảm 8.251 hộ; diện bảo trợ xã hội 173,3 tỷ đồng cho

150.727 người (*tăng 4,5% so với năm 2020*) do tăng số lượng đối tượng; chăm lo 2.639 phần quà cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt hơn 0,8 tỷ đồng; ngoài ra, các ban, ngành, đoàn thể thành phố và 24 quận, huyện, phường, xã đã thực hiện tốt công tác xã hội hóa để chăm lo cho các đối tượng với tổng số tiền hơn 15,3 tỷ đồng.

- Đồng thời Ủy ban Nhân Dân Thành phố đã quan tâm, chăm lo Tết cho 144.926 cán bộ, công chức, viên chức khu vực hành chính sự nghiệp khối thành phố, quận, huyện và một số cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc ngành dọc quản lý khối thành phố, quận, huyện với số tiền hơn 217,3 tỷ đồng (*giảm 5,3 tỷ đồng so với năm 2020, do giảm 3.556 cán bộ, công chức, viên chức*).

III. Tình hình chi trả lương, thưởng Tết Nguyên đán

Tổng hợp và cập nhật các báo cáo của doanh nghiệp cho thấy mức thưởng cao nhất vẫn thuộc doanh nghiệp ngành tài chính - ngân hàng; sản xuất hàng tiêu dùng, hóa mỹ phẩm; quản lý, tư vấn, đầu tư bất động sản; điện tử - công nghệ thông tin; lắp đặt, thi công hệ thống cơ điện lạnh; dược phẩm, y tế;... Các doanh nghiệp sản xuất quy mô nhỏ, các doanh nghiệp sử dụng lao động giản đơn có mức thưởng thấp hơn.

Mức thưởng Tết Nguyên đán Tân Sửu năm 2021 bình quân thấp hơn 11,9% so với Tết Nguyên đán Canh Tý năm 2020. Cụ thể, mức thưởng bình quân là 8,81 triệu đồng/người (so với năm 2020 là 9,99 triệu đồng/người).

Trong 1.035 doanh nghiệp gửi báo cáo kế hoạch thưởng Tết năm 2021, có 457 doanh nghiệp (*chiếm 44,15%*) thông tin cũng gặp khó trong việc thưởng Tết cho người lao động. Nguyên nhân: do dịch Covid-19 dẫn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn, đơn hàng giảm, doanh nghiệp phải thu hẹp hoạt động, khó thu hồi công nợ,... làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh cả năm và kế hoạch thưởng Tết cho người lao động. Mặc dù bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, các doanh nghiệp vẫn cố gắng thực hiện thưởng Tết cho người lao động theo quy chế thưởng, thỏa ước lao động tập thể, hợp đồng lao động.

Trong 1.035 doanh nghiệp trên, có 473 doanh nghiệp (*chiếm 45,7%*), ngoài tiền thưởng Tết cho người lao động, các doanh nghiệp có nhiều hình thức hỗ trợ

thiết thực cho người lao động trong dịp Tết Nguyên đán Tân Sửu năm 2021 như tặng quà Tết, phiếu mua hàng, lì xì, tổ chức xe đưa đón (hoặc hỗ trợ tiền tàu xe, tặng vé xe). Trong dịp Tết năm 2021, một số doanh nghiệp có kế hoạch tổ chức tất niên và có kế hoạch thăm hỏi người lao động có hoàn cảnh khó khăn, tổ chức đón Tết cho người lao động chưa có điều kiện về quê trong dịp này.

IV. Tình hình giải quyết việc làm

Kết quả giải quyết việc làm: trong tháng 2, thành phố đã giải quyết việc làm cho 27.412 lượt lao động; số chỗ việc làm mới tạo ra là 12.554 chỗ việc làm. Lũy kế 2 tháng đầu năm là 54.157 lượt lao động, đạt 18,05% so với kế hoạch năm và số chỗ việc làm mới là 24.780 chỗ việc làm mới, đạt 17,09% so với kế hoạch năm.

Tình hình về chính sách bảo hiểm thất nghiệp: trong tháng 2 đầu năm, đã có 20.149 lao động đến trung tâm dịch vụ việc làm thành phố nộp hồ sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp.

Trên đây là tình hình kinh tế - xã hội của thành phố Hồ Chí Minh tháng 02 và 02 tháng năm 2021.

CỤC TRƯỞNG

Huỳnh Văn Hùng